

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG XUYỀN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2018/DS-ST

Ngày: 17-8-2018

V/v tranh chấp

“Hợp đồng dân sự vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ Thơm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thành Thật
2. Ông Trần Hùng Bích

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trương Phi –Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2017/TLST- DS ngày 07 tháng 04 năm 2017 về tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/QĐXX-ST ngày 26 tháng 06 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 64 A, ngày 18/7/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Võ Hạnh K, sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp Bình Thành, Xã B, huyện Ch, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Minh T, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

Địa chỉ: số 27/5B, khóm N, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 03 năm 2017 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Võ Hạnh K trình bày:

Trên quan hệ làm ăn quen biết, bà có cho ông Trần Minh T vay số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) vào ngày 15/7/2013. Việc vay tiền

ông T có viết biên nhận và ký nhận. Hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 02%/tháng, thời gian vay là 03 năm. Mục đích ông T vay là để bổ sung vốn kinh doanh vận chuyển hàng hóa đường thủy. Sau khi nhận tiền vay thì ông T không thực hiện việc đóng lãi, bà có điện thoại thì ông T nói có muốn thừa kiện gì thì kiện ông không có tiền trả. Tuy nhiên, thời gian đó bà bị tai nạn không đi lại được nên không thực hiện việc khởi kiện. Sau khi bà đi lại được bà có tìm ông T để đòi số tiền vay thì ông T đã bán nhà đi nơi khác. Thời điểm đầu bà có nói với ông T nếu không có khả năng trả một lần thì hàng tháng trả cho bà 10.000.000đ (mười triệu đồng) nhưng ông T vẫn không thực hiện. Do đó, bà khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 110.000.000đ (một trăm mười triệu đồng) và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 15/7/2013 cho đến ngày Tòa án xét xử.

Bị đơn ông Trần Minh T vắng mặt trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa, không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lê Võ Hạnh K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông Trần Minh T trả cho bà số tiền 110.000.000đ và lãi suất 0,9 %/tháng cũng theo quy định pháp luật từ ngày 15/7/2013 cho đến ngày Tòa án xét xử. (Bà K tự tính 0,9%/tháng x 61 tháng làm tròn số là 60.000.000đ để ông T có khả năng trả nợ).

Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày tại phiên tòa.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Đối với việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến nay: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách của những người tham gia tố tụng, thực hiện việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định, việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đảm bảo thời gian theo quy định pháp luật.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

** Đối với nội dung vụ án:*

Căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn bà Lê Võ Hạnh K cung cấp, đề nghị Hội đồng xét xử có xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật:*

Bà Lê Võ Hạnh K khởi kiện yêu cầu ông Trần Minh T trả số tiền 110.000.000đ và lãi suất theo biên nhận vay ngày 15/7/2013. Căn cứ khoản 2 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự, xét thấy đây là yêu cầu tranh chấp về giao dịch dân sự liên quan đến hợp đồng vay tài sản. Tuy nhiên, đối với biên nhận này hai bên giao kết khi Bộ luật dân sự 2015 chưa có hiệu lực thi hành nên Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các quy định về hợp đồng vay tài sản quy định tại Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét giải quyết yêu cầu của nguyên đơn.

[2] *Về thẩm quyền giải quyết*: các bên tranh chấp quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng vay tài sản và bị đơn có nơi cư trú tại thành phố L, tỉnh An Giang. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm c Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[3] *Về thủ tục tố tụng*: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai bị đơn ông Trần Minh T vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 179, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 04/HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, ngày 05/5/2017 phiên tòa tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Minh T.

[4] *Về pháp luật nội dung*:

Đối với yêu cầu trả số tiền 110.000.000đ bà Lê Võ Hạnh K cung cấp bản chính biên nhận ngày 15/7/2013, thể hiện số tiền ông T ký nhận là 110.000.000đ. Căn cứ vào biên nhận bà K cung cấp Hội đồng xét xử xác định số tiền ông T nhận là 110.000.000đ.

[5] Theo biên nhận các bên đều thỏa thuận thời hạn vay tiền và hai bên đều thừa nhận việc vay mượn giữa các bên là có lãi. Tuy nhiên ông T đã vi phạm nghĩa vụ trong thời gian vay. Do đó, Hội đồng xét xử xác định số tiền vay theo biên nhận ngày 15/7/2013 là Hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005. Bà K đã thực hiện nghĩa vụ của bên cho vay, còn ông T là bên vay đã được hưởng quyền nhưng không thực hiện nghĩa vụ của bên vay. Do đó, yêu cầu trả số tiền 110.000.000đ của bà Lê Võ Hạnh K là có cơ sở và đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Đối với yêu cầu về lãi suất: bà K xác định mức lãi suất các bên thỏa thuận là 02 %/tháng, nhưng tại phiên tòa hôm nay bà K chỉ yêu cầu 0,9%/tháng x 61 tháng và tự làm tròn số là 60.000.000đ + 110.000.000đ vốn = 170.000.000đ là phù hợp, HĐXX nghĩ nên chấp nhận.

[7] Tổng vốn và lãi ông Trần Minh T phải trả cho bà Lê Võ Hạnh K là: 170.000.000đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà K được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp; ông T phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và Điểm c khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 471, 474, 476 và khoản 2 Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005;
- Điều 463, 466, khoản 1 Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015.
- Khoản 1 Điều 13 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 31/12/2016.
- Nghị quyết số 04/HĐTP Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao ngày 05/5/2017.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Võ Hạnh K buộc ông Trần Minh T có trách nhiệm trả cho bà Lê Võ Hạnh K số tiền 170.000.000 đ (Một trăm bảy mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Võ Hạnh K được nhận lại 2.750.000đ (hai triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015336 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, tỉnh An Giang ngày 07/04/2017.

Ông Trần Minh T phải nộp 8.500.000đ (Tám triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6/ Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại

Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSNDTP.X;
- THA DS TP.L
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu Văn phòng;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huệ Thơm